

TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị ban hành Nghị quyết cho ý kiến về tỷ lệ phần trăm (%) để tính đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm, đơn giá thuê đất xây dựng công trình ngầm và đơn giá thuê đất có mặt nước trên địa bàn tỉnh Quảng Bình

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình.

Thực hiện Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; để đảm bảo việc thực hiện các nghĩa vụ tài chính về đất đai đúng quy định, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, ban hành Nghị quyết cho ý kiến về tỷ lệ phần trăm (%) để tính đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm, đơn giá thuê đất xây dựng công trình ngầm và đơn giá thuê đất có mặt nước trên địa bàn tỉnh Quảng Bình với các nội dung như sau:

I. CƠ SỞ PHÁP LÝ VÀ SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

Ngày 30/7/2024, Chính phủ ban hành Nghị định số 103/2024/NĐ-CP quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, quy định một số nội dung cụ thể:

- Tại điểm a khoản 1 Điều 26 về đơn giá thuê đất quy định: “Căn cứ vào thực tế địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định mức tỷ lệ phần trăm (%) tính đơn giá thuê đất theo từng khu vực, tuyến đường tương ứng với từng mục đích sử dụng đất sau khi xin ý kiến của Hội đồng nhân dân cùng cấp.”

- Tại điểm c khoản 2 Điều 27 về đơn giá thuê đất xây dựng công trình ngầm quy định: “Căn cứ vào thực tế địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định cụ thể mức đơn giá thuê đất quy định tại điểm a, điểm b khoản này sau khi xin ý kiến của Hội đồng nhân dân cùng cấp.”

- Tại khoản 3 Điều 28 về đơn giá thuê đất đối với đất có mặt nước quy định: “Căn cứ vào thực tế địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định cụ thể mức đơn giá thuê đất quy định tại khoản 2 Điều này sau khi xin ý kiến của Hội đồng nhân dân cùng cấp.”

- Tại khoản 1 Điều 44 về trách nhiệm của cơ quan và người sử dụng đất quy định: “Cơ quan tài chính chủ trì xây dựng và trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định mức tỷ lệ (%) cụ thể để xác định đơn giá thuê đất; mức tỷ lệ (%) để tính tiền thuê đối với đất xây dựng công trình ngầm, công trình ngầm nằm

ngoài phần không gian sử dụng đất đã xác định cho người sử dụng đất, đất có mặt nước theo quy định tại Điều 26, 27 và 28 Nghị định này.”

Do vậy, việc Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết cho ý kiến về tỷ lệ phần trăm (%) để tính đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm, đơn giá thuê đất xây dựng công trình ngầm và đơn giá thuê đất có mặt nước trên địa bàn tỉnh Quảng Bình là cần thiết, đúng quy định.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích

Xây dựng tỷ lệ phần trăm (%) để tính đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm, đơn giá thuê đất xây dựng công trình ngầm và đơn giá thuê đất có mặt nước trên địa bàn tỉnh Quảng Bình nhằm mục đích giúp cho các tổ chức, cá nhân làm căn cứ để xác định và thực hiện nghĩa vụ tài chính khi giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng quy định của Luật Đất đai.

2. Quan điểm

Xây dựng tỷ lệ phần trăm (%) để tính đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm, đơn giá thuê đất xây dựng công trình ngầm và đơn giá thuê đất có mặt nước trên địa bàn tỉnh Quảng Bình phải phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương, đảm bảo mức giới hạn quy định tại Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ, đảm bảo, hài hòa giữa lợi ích của người dân, doanh nghiệp với lợi ích nhà nước.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Tình hình thực hiện tỷ lệ phần trăm (%) để tính đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm, đơn giá thuê đất xây dựng công trình ngầm và đơn giá thuê đất có mặt nước trên địa bàn tỉnh Quảng Bình

Tỷ lệ phần trăm (%) để tính đơn giá thuê đất trả tiền hàng năm không thông qua hình thức đấu giá, đơn giá thuê đất có mặt nước trên địa bàn tỉnh Quảng Bình được quy định tại Quyết định số 24/2021/QĐ-UBND ngày 29/7/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh, với mức tỷ lệ từ 0,5%-1,0%. Mức tỷ lệ này đã được áp dụng ổn định trên địa bàn tỉnh từ năm 2017 (Quyết định số 06/2017/QĐ-UBND ngày 04/7/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh, đã được thay thế bằng Quyết định số 24/2021/QĐ-UBND ngày 29/7/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh). Mức quy định này phù hợp với tình hình thực tế trên địa bàn tỉnh, đảm bảo khung quy định của Chính phủ và trong quá trình thực hiện không phát sinh các vướng mắc, đảm bảo khả năng thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai của các tổ chức, nhân dân.

2. Quá trình xây dựng Nghị quyết

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019, Luật Đất đai ngày 18/01/2024 và các văn



bản pháp luật có liên quan, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng tỷ lệ phần trăm (%) để tính đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm, đơn giá thuê đất xây dựng công trình ngầm và đơn giá thuê đất có mặt nước trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

Dự thảo Nghị quyết đã được các thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh tham gia ý kiến.

3. Phương án đề xuất tỷ lệ phần trăm (%) để tính đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm, đơn giá thuê đất xây dựng công trình ngầm và đơn giá thuê đất có mặt nước trên địa bàn tỉnh Quảng Bình

Hiện nay, tỉnh Quảng Bình chưa ban hành Bảng giá đất mới tiệm cận với giá thị trường theo quy định của Luật Đất đai 2024 và đang áp dụng theo Bảng giá đất quy định tại Quyết định số 40/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2020 - 2024. Việc quy định tỷ lệ phần trăm (%) để xác định đơn giá thuê đất phụ thuộc nhiều vào Bảng giá đất để đảm bảo ổn định kinh tế xã hội, hài hòa giữa lợi ích của nhà nước và doanh nghiệp, người dân.

Để đảm bảo việc triển khai thi hành Luật Đất đai và các văn bản hướng dẫn đúng tiến độ quy định, làm cơ sở cho các tổ chức, cá nhân thực hiện nghĩa vụ tài chính hàng năm trên địa bàn tỉnh Quảng Bình, Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất, đề xuất phương án như sau:

3.1. Tỷ lệ phần trăm (%) để tính đơn giá thuê đất trả tiền hàng năm không thông qua hình thức đấu giá trên địa bàn tỉnh Quảng Bình: Giữ nguyên như quy định tại Quyết định số 24/2021/QĐ-UBND ngày 29/7/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tỷ lệ phần trăm để tính đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm không qua hình thức đấu giá; đơn giá thuê đất đối với đất có mặt nước; khung giá cho thuê mặt nước trên địa bàn tỉnh Quảng Bình, cụ thể:

- a) Tỷ lệ 1,0% đối với đất tại các xã, phường thuộc thành phố Đồng Hới;
- b) Tỷ lệ 0,9% đối với đất tại thị trấn Kiến Giang, huyện Lệ Thủy; thị trấn Quán Hàu, huyện Quảng Ninh; thị trấn Hoàn Lão huyện Bố Trạch; phường Ba Đồn, phường Quảng Thọ thị xã Ba Đồn;
- c) Tỷ lệ 0,8% đối với đất tại các xã, phường, thị trấn: Thị trấn Quy Đạt, huyện Minh Hóa; thị trấn Đồng Lê, huyện Tuyên Hóa; thị trấn Nông trường Việt Trung, thị trấn Phong Nha, huyện Bố Trạch; thị trấn Nông trường Lệ Ninh, huyện Lệ Thủy; xã Lương Ninh, huyện Quảng Ninh; xã Lý Trạch, xã Trung Trạch, xã Đại Trạch, xã Nhân Trạch, huyện Bố Trạch; các phường còn lại của thị xã Ba Đồn;
- d) Tỷ lệ 0,7% đối với đất tại các xã, phường, thị trấn không thuộc quy định tại các khoản a, b, c, e;

tl

e) Tỷ lệ 0,5% đối với đất tại các xã thuộc huyện Minh Hóa; đất tại các xã thuộc huyện Tuyên Hóa; đất tại các xã: Quảng Hợp, Quảng Tiến, Cảnh Hóa, Quảng Kim, Quảng Thạch, Quảng Châu, Phù Hóa thuộc huyện Quảng Trạch; đất tại các xã: Quảng Sơn, Quảng Văn, Quảng Trung, Quảng Minh thuộc thị xã Ba Đồn; đất tại các xã: Phúc Trạch, Sơn Lộc, Tân Trạch, Lâm Trạch, Liên Trạch, Hưng Trạch, Thượng Trạch, Xuân Trạch, Phú Định, Mỹ Trạch thuộc huyện Bố Trạch; đất tại các xã: Trường Xuân, Trường Sơn, Hải Ninh, Duy Ninh, Hiền Ninh thuộc huyện Quảng Ninh; đất tại các xã: Kim Thủy, Trường Thủy, Thái Thủy, Ngân Thủy, Lâm Thủy, Ngư Thủy Bắc, Ngư Thủy, Sen Thủy, Hồng Thủy, Hưng Thủy thuộc huyện Lệ Thủy; đất tại các địa bàn thuộc quy định tại điểm a, b, c, d nhưng sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối; đất sử dụng làm mặt bằng sản xuất kinh doanh của dự án thuộc lĩnh vực khuyến khích đầu tư, lĩnh vực đặc biệt khuyến khích đầu tư theo quy định của pháp luật;

g) Trường hợp các đơn vị hành chính hợp nhất, sáp nhập, chia, tách áp dụng tỷ lệ cao nhất được quy định theo đơn vị hành chính cũ.

3.2. Tỷ lệ phần trăm (%) tính đơn giá thuê đất có mặt nước: Giữ nguyên như quy định tại Quyết định số 24/2021/QĐ-UBND ngày 29/7/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh, cụ thể:

Đối với phần diện tích đất có mặt nước, đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hằng năm, đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê được tính bằng 70% của đơn giá thuê đất hằng năm hoặc đơn giá thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê của loại đất có vị trí liền kề với giá định có cùng mục đích sử dụng đất và thời hạn sử dụng đất với phần diện tích đất có mặt nước.

3.3. Tỷ lệ phần trăm (%) tính đơn giá thuê đất xây dựng công trình ngầm:

Trước đây, tỉnh chưa quy định tỷ lệ phần trăm (%) tính đơn giá thuê đất xây dựng công trình ngầm do trên địa bàn tỉnh không có các trường hợp thuê đất xây dựng công trình ngầm, tuy nhiên để đảm bảo đầy đủ các nội dung quy định và các trường hợp phát sinh sau này, Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị quy định bằng mức tối đa quy định tại Điều 27 Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ (không quá 30%), cụ thể:

a) Đối với đất được Nhà nước cho thuê để xây dựng công trình ngầm (không phải là phần ngầm của công trình xây dựng trên mặt đất) theo quy định tại khoản 1 Điều 120 Luật Đất đai năm 2024, đơn giá thuê đất được xác định như sau:

- Trường hợp thuê đất trả tiền thuê đất hằng năm: Đơn giá thuê đất được tính bằng 30% đơn giá thuê đất trên bề mặt với hình thức thuê đất trả tiền thuê đất hằng năm có cùng mục đích sử dụng đất.

uc

- Trường hợp thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê: Đơn giá thuê đất trả một lần cho cả thời gian thuê được tính bằng 30% đơn giá thuê đất trên bề mặt với hình thức thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê có cùng mục đích sử dụng và thời hạn sử dụng đất.

b) Đối với đất xây dựng công trình ngầm gắn với phần ngầm công trình xây dựng trên mặt đất mà có phần diện tích xây dựng công trình ngầm vượt ra ngoài phần diện tích đất trên bề mặt được Nhà nước cho thuê đất thì đơn giá thuê đất phải nộp của phần diện tích vượt thêm này được xác định theo quy định như điểm a.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA NGHỊ QUYẾT

1. Bố cục Nghị quyết

Dự thảo Nghị quyết gồm 3 Điều:

Điều 1. Thống nhất tỷ lệ phần trăm (%) để tính đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm, đơn giá thuê đất xây dựng công trình ngầm và đơn giá thuê đất có mặt nước trên địa bàn tỉnh Quảng Bình

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Điều 3. Điều khoản thi hành

2. Nội dung cơ bản của Nghị quyết:

Thống nhất tỷ lệ phần trăm (%) để tính đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm, đơn giá thuê đất xây dựng công trình ngầm và đơn giá thuê đất có mặt nước trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua./.

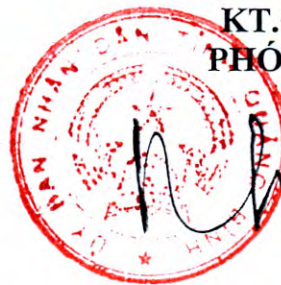
Nơi nhận:

- Như trên;
- TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ban KT&NS HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- VPUBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH.

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN

KT.CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Phan Phong Phú

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /NQ-HĐND

Quảng Bình, ngày tháng 10 năm 2024

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Cho ý kiến về tỷ lệ phần trăm (%) để tính đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm, đơn giá thuê đất xây dựng công trình ngầm và đơn giá thuê đất có mặt nước trên địa bàn tỉnh Quảng Bình

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH
KHÓA XVIII, KỲ HỌP THỨ 18

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết cho ý kiến về tỷ lệ phần trăm (%) để tính đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm, đơn giá thuê đất xây dựng công trình ngầm và đơn giá thuê đất có mặt nước trên địa bàn tỉnh Quảng Bình; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách, ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất tỷ lệ phần trăm (%) để tính đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm, đơn giá thuê đất xây dựng công trình ngầm và đơn giá thuê đất có mặt nước trên địa bàn tỉnh Quảng Bình như sau:

1. Tỷ lệ phần trăm (%) để tính đơn giá thuê đất trả tiền hàng năm không thông qua hình thức đấu giá trên địa bàn tỉnh Quảng Bình

a) Tỷ lệ 1,0% đối với đất tại các xã, phường thuộc thành phố Đồng Hới.

b) Tỷ lệ 0,9% đối với đất tại thị trấn Kiến Giang, huyện Lệ Thủy; thị trấn Quán Hàu, huyện Quảng Ninh; thị trấn Hoàn Lão huyện Bố Trạch; phường Ba Đồn, phường Quảng Thọ thị xã Ba Đồn.

c) Tỷ lệ 0,8% đối với đất tại các xã, phường, thị trấn: Thị trấn Quy Đạt, huyện Minh Hóa; thị trấn Đồng Lê, huyện Tuyên Hóa; thị trấn Nông trường Việt Trung, thị trấn Phong Nha, huyện Bố Trạch; thị trấn Nông trường Lê Ninh,

huyện Lê Thủy; xã Lương Ninh, huyện Quảng Ninh; xã Lý Trạch, xã Trung Trạch, xã Đại Trạch, xã Nhân Trạch, huyện Bố Trạch; các phường còn lại của thị xã Ba Đồn.

d) Tỷ lệ 0,7% đối với đất tại các xã, phường, thị trấn không thuộc quy định tại các khoản a, b, c, e khoản 1 Điều này.

e) Tỷ lệ 0,5% đối với đất tại các xã thuộc huyện Minh Hóa; đất tại các xã thuộc huyện Tuyên Hóa; đất tại các xã: Quảng Hợp, Quảng Tiến, Cảnh Hóa, Quảng Kim, Quảng Thạch, Quảng Châu, Phù Hóa thuộc huyện Quảng Trạch; đất tại các xã: Quảng Sơn, Quảng Văn, Quảng Trung, Quảng Minh thuộc thị xã Ba Đồn; đất tại các xã: Phúc Trạch, Sơn Lộc, Tân Trạch, Lâm Trạch, Liên Trạch, Hưng Trạch, Thượng Trạch, Xuân Trạch, Phú Định, Mỹ Trạch thuộc huyện Bố Trạch; đất tại các xã: Trường Xuân, Trường Sơn, Hải Ninh; Duy Ninh, Hiền Ninh thuộc huyện Quảng Ninh; đất tại các xã: Kim Thủy, Trường Thủy, Thái Thủy, Ngân Thủy, Lâm Thủy, Ngư Thủy Bắc, Ngư Thủy, Sen Thủy, Hồng Thủy, Hưng Thủy thuộc huyện Lê Thủy; đất tại các địa bàn thuộc quy định tại điểm a, b, c, d khoản 1 Điều này nhưng sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối; đất sử dụng làm mặt bằng sản xuất kinh doanh của dự án thuộc lĩnh vực khuyến khích đầu tư, lĩnh vực đặc biệt khuyến khích đầu tư theo quy định của pháp luật.

g) Trường hợp các đơn vị hành chính hợp nhất, sáp nhập, chia, tách áp dụng mức tỷ lệ cao nhất được quy định tại đơn vị hành chính cũ.

2. Tỷ lệ phần trăm (%) tính đơn giá thuê đất xây dựng công trình ngầm

a) Đối với đất được Nhà nước cho thuê để xây dựng công trình ngầm (không phải là phần ngầm của công trình xây dựng trên mặt đất) theo quy định tại khoản 1 Điều 120 Luật Đất đai năm 2024, đơn giá thuê đất được xác định như sau:

- Trường hợp thuê đất trả tiền thuê đất hằng năm: Đơn giá thuê đất được tính bằng 30% đơn giá thuê đất trên bề mặt với hình thức thuê đất trả tiền thuê đất hằng năm có cùng mục đích sử dụng đất.

- Trường hợp thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê: Đơn giá thuê đất trả một lần cho cả thời gian thuê được tính bằng 30% đơn giá thuê đất trên bề mặt với hình thức thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê có cùng mục đích sử dụng và thời hạn sử dụng đất.

b) Đối với đất xây dựng công trình ngầm gắn với phần ngầm công trình xây dựng trên mặt đất mà có phần diện tích xây dựng công trình ngầm vượt ra ngoài phần diện tích đất trên bề mặt được Nhà nước cho thuê đất thì đơn giá thuê đất phải nộp của phần diện tích vượt thêm này được xác định theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều này.

3. Tỷ lệ phần trăm (%) tính đơn giá thuê đất có mặt nước

Đối với phần diện tích đất có mặt nước, đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hằng năm, đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê được tính bằng 70% của đơn giá thuê đất hằng năm hoặc đơn giá thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê của loại đất có vị trí liền kề với giả định có cùng mục đích sử dụng đất và thời hạn sử dụng đất với phần diện tích đất có mặt nước.

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật; giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi, nhiệm vụ, quyền hạn giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình khóa XVIII, kỳ họp thứ 18 thông qua ngày tháng 10 năm 2024 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, TN&MT;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- TTHĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban và các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TTHĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Đài PT-TH Quảng Bình, Báo Quảng Bình;
- Trung tâm Tin học Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, TH.

CHỦ TỊCH

Trần Hải Châu